

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 367/2024/DS-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Ông Nguyễn Hữu Tô

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Q

(Theo Văn bản ủy quyền số 213/UQ-VCB-PC, ngày 15/03/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP N1)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Lệ A, sinh năm 1977, chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Q.

(Theo Văn bản ủy quyền số 194-02/2024/UQ-NHNT.QNg, ngày 04/4/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Q).

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Tường V, sinh năm 1984

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Vợ chồng ông Phan L1, sinh năm 1982

Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Vợ chồng ông Trương Quận H, sinh năm 1964

Bà Lê Thị L2, sinh năm 1966

- Chị Lê Thị Thanh T3, sinh năm 1993

- Vợ chồng ông Nguyễn Nhật N, sinh năm 1962

Bà Lê Thị K, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Bà A có mặt, ông V, bà T1, ông L1, bà T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, ông H, bà L2, chị T3, ông N, bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V1), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lệ A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/01/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Đ đã cho bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V vay vốn theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 17/2019/NHNT.ĐP ngày 08/01/2019, với tổng số tiền cho vay là 7.800.000.000 đồng (Bảy tỷ tám trăm triệu đồng), có giấy nhận nợ kèm theo, thời hạn vay là 12 tháng cho từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay trong hạn: được ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Bà Nguyễn Thị T1 đã nhận nợ theo các Giấy nhận nợ, cụ thể như sau:

+ Giấy nhận nợ số 29/2019/GNN.ĐP ngày 08/01/2019 vay số tiền 2.500.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 10,7 %/năm.

+ Giấy nhận nợ số 629/2019/GNN.ĐP ngày 03/06/2019 vay số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 9,7 %/năm.

+ Giấy nhận nợ số 963/2019/GNN.ĐP ngày 06/09/2019 vay số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 9,7 %/năm.

+ Giấy nhận nợ số 1058/2019/GNN.ĐP ngày 08/10/2019 vay số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 9,7 %/năm.

Trong quá trình vay, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Tường V đã trả được 191.963 đồng tiền gốc và trả được 433.401.238 đồng tiền lãi.

Tính đến ngày 25/9/2024, vợ chồng bà T1, ông V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 13.143.507.998 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc 7.799.808.037 đồng, nợ lãi trong hạn 3.677.559.794 đồng, nợ lãi quá hạn 1.666.140.167 đồng).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn, vợ chồng bà T1, ông V đã thế chấp cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 246/2017/HĐTC.ĐP ngày 22/5/2017, tài sản thế chấp là thửa đất số 186, tờ bản đồ số 28, diện tích 109m², tài sản trên đất: 01 nhà ở riêng lẻ, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 247/2017/HĐTC.ĐP ngày 22/5/2017, tài sản thế chấp là thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 09, diện tích 421,9m², tài sản trên đất: không có, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 40/2018/HĐTC.ĐP ngày 18/01/2018, tài sản thế chấp là thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 136,1m², tài sản trên đất: 01 nhà ở riêng lẻ, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn của vợ chồng bà T1, ông V, vợ chồng ông Phan L1, bà Nguyễn Thị T2 đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017, tài sản thế chấp là 01 tàu cá số đăng ký BD-99986-TS theo Giấy

chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1.

Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan chức năng theo đúng quy định.

Trong quá trình sử dụng vốn vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên đến nay, bà T1, ông V đã quá hạn nợ gốc kể từ ngày 08/01/2020, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc và yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên, tính đến nay bà T1, ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản đôn đốc và nhắc nhở, tuy nhiên, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng. Hiện tại, khoản nợ vay của bà T1, ông V là nợ xấu tại Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng TMCP N1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 đến ngày 25/9/2024 tổng số tiền là 13.143.507.998 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc 7.799.808.037 đồng, nợ lãi trong hạn 3.677.559.794 đồng, nợ lãi quá hạn 1.666.140.167 đồng), yêu cầu bà T1, ông V phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 17/2019/NHNT.ĐP ngày 08/01/2019 kể từ ngày tiếp theo cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Nếu bà T1, ông V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N1 thông qua Chi nhánh Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 246/2017/HĐTC.ĐP, 247/2017/HĐTC.ĐP cùng ngày 22/05/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 40/2018/HĐTC.ĐP ngày 18/01/2018 và Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017 tài sản thế chấp là 01 tàu cá số đăng ký BD-99986-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1, giữa

Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - Chi nhánh Q - Phòng G với bà T1, ông V, ông L1, bà T2 để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T1, ông V có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông V, bà T1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V trình bày:

Vợ chồng ông V, bà T1 thống nhất nợ như ý kiến của Ngân hàng trình bày. Vợ chồng ông, bà có vay tại Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Q - Phòng G số tiền gốc 7.800.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 17/2019/NHNT.ĐP ngày 08/01/2019 và để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông bà và vợ chồng ông L1, bà T2 đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 246/2017/HĐTC.ĐP, 247/2017/HĐTC.ĐP cùng ngày 22/05/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 40/2018/HĐTC.ĐP ngày 18/01/2018 và Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017, tài sản thế chấp là 01 tàu cá số đăng ký BD-99986-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1, như phía đại diện Ngân hàng trình bày là đúng.

Do điều kiện làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà T1, ông V chưa có điều kiện trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu trả nợ, vợ chồng ông V, bà T1 chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Trường hợp nếu như vợ chồng ông, bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông, bà thống nhất xử lý tài sản thế chấp theo ý kiến của Ngân hàng.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Vợ chồng bà T2, ông L1 là anh chị của ông V, bà T1. Vợ chồng ông V, bà T1 có vay tại Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Q - Phòng G số tiền gốc 7.800.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 17/2019/NHNT.ĐP ngày 08/01/2019 và để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng ông L1, bà T2 đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện

thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017, tài sản thế chấp là 01 tàu cá số đăng ký BĐ-99986-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1 như phía đại diện Ngân hàng trình bày là đúng.

Nếu như vợ chồng ông V, bà T1 không có khả năng trả nợ thì vợ chồng bà T2 thống nhất giao cho Ngân hàng chiếc tàu cá nói trên để xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan L1 trình bày:

Ông L1 thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị T2, không bổ sung ý kiến gì khác.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Trương Quận H, bà Lê Thị L2, chị Lê Thị Thanh T3 cùng trình bày:

Ông H, bà L2, chị T3 đang sinh sống tại nhà, đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 28, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Ngôi nhà và thửa đất trên do vợ chồng ông V, bà T1 đứng tên chủ sở hữu. Về việc thế chấp nhà, đất nói trên cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Đ thì ông H, bà L2, chị T3 đều biết và không có ý kiến gì. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà đất nói trên thì ông H, bà L2, chị T3 đều thống nhất, tự nguyện dọn đi nơi khác sinh sống và không có ý kiến gì.

Vì lý do bận công việc, ông H, bà L2, chị T3 đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Nhật N, bà Lê Thị K cùng trình bày:

Ông N, bà K là cha mẹ của bà T1. Ông N, bà K đang sinh sống tại nhà, đất tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Ngôi nhà và thửa đất trên do vợ chồng ông V, bà T1 đứng tên chủ sở hữu. Về việc thế chấp nhà, đất nói trên cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Đ thì ông N, bà K đều biết và không có ý kiến gì. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà đất nói trên thì ông N, bà K đều thống nhất, không có ý kiến gì.

Vì lý do bận công việc, ông N, bà K đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1, vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền là 13.143.507.998 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc 7.799.808.037 đồng, nợ lãi trong hạn 3.677.559.794 đồng, nợ lãi quá hạn 1.666.140.167 đồng) tính đến ngày 25/9/2024. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông V, bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 246/2017/HĐTC.ĐP, 247/2017/HĐTC.ĐP cùng ngày 22/05/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 40/2018/HĐTC.ĐP ngày 18/01/2018 và Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017 để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T1, ông V có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông V, bà T1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật

Vợ chồng bà T1, ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, vợ chồng bà T1, ông V phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền xét xử vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết hợp đồng tín dụng được thực hiện giữa pháp nhân và cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên đây là vụ án dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu và nơi ở tại Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có mặt tại Tòa để ghi ý kiến và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định. Tuy nhiên, tại các giai đoạn tố tụng tiếp theo, bị đơn vợ chồng ông V, bà T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L1, bà T2 cố tình trốn tránh, không hợp tác để tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa theo đúng quy định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà L2, chị T3, ông N, bà K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Xét Hợp đồng cho vay từng lần số 17/2019/NHNT.ĐP ngày 08/01/2019 thấy rằng, bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Đ, bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V. Hợp đồng này được ký kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại các điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 463 của Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia ký kết hợp đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền vay 7.800.000.000 đồng theo đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ kèm theo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên đến nay, bà T1, ông V đã quá hạn nợ gốc kể từ ngày 08/01/2020 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T1, ông V

phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh kèm theo là đúng quy định tại các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V, bà T1 xác nhận đúng là hiện nay vợ chồng ông, bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi như phía đại diện Ngân hàng trình bày là đúng, vợ chồng ông V, bà T1 cũng chấp nhận trả nợ và thống nhất rằng trong trường hợp vợ chồng ông, bà không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp của ông, bà để thu hồi nợ.

Vợ chồng ông Phan L1, bà Nguyễn Thị T2 cũng xác nhận đúng là vợ chồng ông bà có thế chấp chiếc tàu cá số đăng ký BD-99986-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1 để đảm bảo khoản vay của vợ chồng ông V, bà T1 tại Ngân hàng. Vợ chồng ông L1, bà T2 cũng thống nhất rằng trong trường hợp vợ chồng ông V, bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là chiếc tàu cá của ông, bà để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định rằng, tính đến ngày 25/9/2024, vợ chồng bà T1, ông V còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 - Chi nhánh Q - Phòng G tổng số tiền 13.143.507.998 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc 7.799.808.037 đồng, nợ lãi trong hạn 3.677.559.794 đồng, nợ lãi quá hạn 1.666.140.167 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà T1, ông V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 13.143.507.998 đồng.

Vợ chồng ông V, bà T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông V, bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và chiếc tàu cá để thu hồi nợ thấy rằng:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 246/2017/HĐTC.ĐP ngày 22/5/2017, tài sản thế chấp là thửa đất số 186, tờ bản đồ số 28, diện tích 109m², tài sản trên đất: 01 nhà ở riêng lẻ, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 247/2017/HĐTC.ĐP ngày 22/5/2017, tài sản thế chấp là thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 09, diện tích 421,9m², tài sản trên đất: không có, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 40/2018/HĐTC.ĐP ngày 18/01/2018, tài sản thế chấp là thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 136,1m², tài sản trên đất: 01 nhà ở riêng lẻ, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017, tài sản thế chấp là 01 tàu cá số đăng ký BD-99986-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1.

Các Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức, nội dung không trái với quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ theo quy định tại các điều 298, 318 Bộ luật dân sự 2015, Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm thì việc thế chấp tài sản giữa vợ chồng bà T1, ông V, vợ chồng ông L1, bà T2 và Ngân hàng là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nên phát sinh hiệu lực đối với các bên ký kết.

Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng bà T1, ông V chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà T1, ông V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 298, 318, 323, 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 463, 466,

468 Bộ luật dân sự 2015;

- Các Điều 90, 91 Luật Tổ chức tín dụng;

- Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 theo Hợp đồng cho vay từng lần số 17/2019/NHNT.ĐP ngày 08/01/2019 và các Giấy nhận nợ kèm theo tính đến ngày 25/9/2024 như sau:

- Nợ gốc: 7.799.808.037 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 3.677.559.794 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 1.666.140.167 đồng

Tổng cộng gốc và lãi: 13.143.507.998 đồng (Bằng chữ: Mười ba tỷ một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản sau đây để thu hồi nợ bao gồm:

- Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 28, diện tích 109m², tài sản trên đất: 01 nhà ở riêng lẻ, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định của vợ chồng ông Nguyễn Tường V, bà Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 246/2017/HĐTC.ĐP ngày 22/5/2017.

- Thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 09, diện tích 421,9m², tài sản trên đất: không có, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định của vợ chồng ông Nguyễn Tường V, bà Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 247/2017/HĐTC.ĐP ngày 22/5/2017.

- Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 28, diện tích 136,1m², tài sản trên đất: 01 nhà ở riêng lẻ, tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định của vợ chồng ông Nguyễn Tường V, bà Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 40/2018/HĐTC.ĐP ngày 18/01/2018.

- 01 tàu cá số đăng ký BD-99986-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số 650/2017 do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Định cấp ngày 14/9/2017 cho ông Phan L1 theo Hợp đồng thế chấp phươg tiện thủy nội địa số 450/2017/HĐTC.ĐP ngày 19/09/2017.

Nếu tài sản thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào khác thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Buộc vợ chồng bà T1, ông V phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Vợ chồng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tường V phải chịu 121.143.500 đồng (Một trăm hai mươi một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 59.921.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu số 0006404 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

5.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định

tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND Tx. Hoài Nhơn;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Long Nhiên